

DANH SÁCH MÔN HỌC TƯƠNG ĐƯƠNG, THAY THẾ CHO CÁC MÔN HỌC KHÔNG TỔ CHỨC TRONG HK1 (25-26)

Sinh viên xem danh sách môn học để đăng ký các môn tương đương, thay thế cho các môn học trong chương trình đào tạo khóa - ngành của sinh viên mà nay không tổ chức trong học kỳ này.
Sinh viên đăng ký môn học mới để thay thế.

Môn cũ				Môn tương đương			
MSMH	Tên môn học	Tín chỉ	Khóa	MSMH	Tên môn học	Tín chỉ	Khóa
Các ngành							
GS99002	Giáo dục thể chất 2		2020 2021 2022 2023	GS93008	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)		2024
Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử							
AA19001	Vẽ kỹ thuật	3	2020	EE09038	Vẽ kỹ thuật với CAD	3	2024
Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông							
AA19001	Vẽ kỹ thuật	3	2020	EE09038	Vẽ kỹ thuật với CAD	3	2024
Ngành Công nghệ thực phẩm							
FT09001	Nhập môn Công nghệ thực phẩm	2	2020 2021	FT09035	Nhập môn CNTP và Đảm bảo chất lượng - An toàn thực phẩm	2	2025 2025
GS69001	Hóa đại cương	3	2020 2021	FT03027	Hóa đại cương và hóa hữu cơ	4	2024
Ngành Kỹ thuật xây dựng							
CI09025	Tin học chuyên ngành 1	2	2020 2021	CI03032	Tin học ứng dụng trong Vẽ kỹ thuật xây dựng	3	2024
CI09026	Tin học chuyên ngành 2	2	2020 2021	CI03034	Tin học ứng dụng trong Phân tích kết cấu	2	2023
Ngành Thiết kế công nghiệp							
DE19004	Hình khối và chất liệu tạo bề mặt	3	2020 2021 2022	DE13035	Hình khối và chất liệu	3	2024

DANH SÁCH MÔN HỌC TƯƠNG ĐƯƠNG, THAY THẾ CHO CÁC MÔN HỌC KHÔNG TỔ CHỨC TRONG HK1 (25-26)

Sinh viên xem danh sách môn học để đăng ký các môn tương đương, thay thế cho các môn học trong chương trình đào tạo khóa - ngành của sinh viên mà nay không tổ chức trong học kỳ này.
Sinh viên đăng ký môn học mới để thay thế.

Môn cũ				Môn tương đương			
MSMH	Tên môn học	Tín chỉ	Khóa	MSMH	Tên môn học	Tín chỉ	Khóa
DE29006	Nguyên lý thiết kế thời trang	3	2020 2021 2022	DE23027	Quy trình thiết kế thời trang	3	2024